

Bản án số: 10/2020/DS-PT

Ngày 11 - 3 - 2020

V/v “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Khoa

Các Thẩm phán: 1. Ông Đặng Phi Long

2. Ông Trương Quyết Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thu Ngân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 46/2019/TLPT-DS ngày 27 tháng 12 năm 2019 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” do bản án dân sự sơ thẩm số 31/2019/DS-ST ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố L bị Nguyên đơn ông Bùi Đức G; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn T và bà Lê Thị P kháng cáo và Viện kiểm sát nhân dân thành phố L kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐ-PT ngày 03/02/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2020 ngày 19/02/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Bùi Đức G và Bà Nguyễn Thị N;

Cùng địa chỉ: Tổ 15, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Đ - Địa chỉ: Số nhà 051, đường L, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Ông Lê Khánh H và Bà Phạm Thị Đ;

Cùng địa chỉ: Số nhà 008, đường H, tổ 6, phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị Đ: Ông Lê Khánh H - Địa chỉ: Số nhà 008, đường H, tổ 6, phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Dương Văn T;
- Bà Lê Thị P;

Cùng địa chỉ: Số nhà 008, đường H, Tổ 6, phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Dương Văn T và bà Lê Thị P: Ông Trần Mạnh H - Địa chỉ: Số nhà 007, phố T, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Bùi Đức G và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn T, bà Lê Thị P.

5. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân thành phố L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai của ông Bùi Đức G, bà Nguyễn Thị N, người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn trình bày:

Ngày 23/6/2002, ông Bùi Đức G, bà Nguyễn Thị N nhận chuyển nhượng đất của ông Lưu Thùy K, bà Nguyễn Thị P diện tích đất là 20m² (Kích thước chiều rộng là 5m x 4m), thửa số 53, tờ bản đồ số D1, địa chỉ thửa đất tại tổ 13 (nay là tổ 6), phường D, thị xã L (nay là thành phố L), tỉnh Lào Cai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số G 613000, số vào sổ 48 QSDĐ do Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Lào Cai cấp ngày 20/01/1996 mang tên ông Lưu Thùy K, bà Nguyễn Thị P nhưng đến ngày 13/8/2018 mới làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có công chứng nhưng chưa sang tên được do xảy ra tranh chấp.

Năm 2016, ông Lê Khánh H, bà Phạm Thị Đ đến sinh sống tại số nhà 008, tổ 6, đường H, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Đến ngày 25/5/2017, vợ chồng ông H bà Đ sửa chữa, xây nhà lán sang phần diện tích đất trên, gia đình ông G đã yêu cầu nhưng vợ chồng ông H không tháo dỡ phần nhà xây dựng lán chiếm diện tích khoảng 20m². Đến nay ông G và bà N khởi kiện thì ông H, bà Đ đã chuyển nhượng nhà, quyền sử dụng đất cho ông Dương Văn T và bà Lê Thị P. Đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông H và bà Đ tháo dỡ công trình xây dựng, tài sản trên đất trả lại diện tích là 16,9m².

Tại bản tự khai bị đơn ông Lê Khánh H đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Phạm Thị Đ trình bày:

Ngày 26/4/2016, ông Lê Khánh H và bà Phạm Thị Đ nhận chuyển nhượng diện tích đất 80m² (Kích thước chiều rộng 5 m, chiều sâu 16m), thửa đất số 25, tờ bản đồ số P2-3, địa chỉ thửa đất tại số nhà 008, tổ 6, phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai, thửa đất đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lào Cai cấp quyền sử dụng ngày 03/02/2016 mang tên ông Nguyễn Thành N và bà Phạm Thị Thu H, trên đất có 01 ngôi nhà xây 01 tầng, 01 tum của ông N bà H. Ngày 24/5/2017 ông H bà Đ làm xong thủ tục sang tên GCNQSDĐ.

Tháng 5/2017, ông H và bà Đ tiến hành sửa chữa nhà thiết kế xây từ móng tường chịu lực thành cây cột bê tông trên nền móng cũ, cấy thêm cột bê tông ra phía trước đường H khoảng 1,5m, còn lại phần phía sau cấy cột bê tông trên nền móng nhà cũ tạo thành nhà khung cứng liền khối, thành nhà 03 tầng, mái tầng 2 đổ bê tông, tầng 03 phía sau lợp mái tôn, có khung sắt bao quanh bảo vệ phía sau, trên tường có gắn 01 ống thoát nước, 01 máy làm lạnh điều hòa. Ông H thừa nhận phần diện tích mái bê tông tầng 2 phía sau có lấn sang diện tích đất 7,5m² của ông G và bà N, sẽ có trách nhiệm tháo dỡ trả lại đất, còn phần nhà xây dựng dưới mặt đất có diện tích 9,4m² không lấn chiếm sang phần diện tích đất của ông G và bà N. Tranh chấp quyền sử dụng đất giữa các bên đã được hòa giải tại địa phương nhưng không thành. Đến ngày 18/6/2019, ông H và bà Đ chuyển nhượng nhà, quyền sử dụng đất nêu trên cho ông Dương Văn T và bà Lê Thị P có công chứng nhưng vì đất đang tranh chấp nên chưa sang tên được cho ông T và bà P.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn T và bà Lê Thị P, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ngày 18/6/2019, ông Dương Văn T và bà Lê Thị P nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất là nhà của ông Lê Khánh H và bà Phạm Thị Đ, diện tích đất 80m² (kích thước là 5m x 16m), thửa đất số 25, tờ bản đồ số P2-3, địa chỉ thửa đất tại số nhà 008, tổ 6, đường H, phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai, đất đã được cấp GCNQSDĐ số CH 373619 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lào Cai cấp ngày 24/5/2017 mang tên ông Lê Khánh H và bà Phạm Thị Đ. Khi nhận chuyển nhượng, ông H nói là phần mái bê tông tầng 2 phía sau của ngôi nhà có lấn chiếm sang đất của ông Bùi Đức G và bà Nguyễn Thị N sau này sẽ phá dỡ. Khi gia đình ông T và bà P chuyển đến sinh sống thì biết ông G và bà N đã khởi kiện ông H và bà Đ vụ án tranh chấp đất quyền sử dụng đất, nên chưa làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Ông T và bà P không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông G, bà N.

Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2019/DS-ST ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố L đã quyết định:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 203 của Luật Đất đai; Điều 164; Điều 166; Điều 288 của Bộ luật Dân sự; Khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Buộc ông Dương Văn T và bà Lê Thị P phải phá dỡ tài sản, phần công trình xây dựng, cụ thể: Phần mái nhà tầng 2, phần phía sau đổ bê tông cốt thép, có diện tích là 7,5m²; Ô khung sắt phía sau bao quanh bảo vệ phần diện tích bê tông là 7,5m²; Phần mái tôn tầng 3 phía sau bao phủ phần diện tích bê tông 7,5m²; 01 ống thoát nước gắn trên tường phía sau nhà; 01 máy làm lạnh máy điều hòa gắn trên tường phía sau của ngôi nhà - Địa chỉ: Số 008, đường H, tổ 6, phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Trả lại quyền sử dụng đất diện tích là 7,5m², thửa đất số 53, tờ bản đồ số D1 - Địa chỉ: Số nhà 008, tổ 13 (nay tổ 6),

phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 613000, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 48 QSDĐ do Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai cấp ngày 20/01/1996 mang tên ông Lưu Thùy K và bà Nguyễn Thị P cho ông Bùi Đức G và bà Nguyễn Thị N (Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 29 tháng 8 năm 2019 và Bản trích đo địa chính phục vụ thẩm định tại chỗ bảng kê tọa độ và trích thửa đất).

Ông Dương Văn T và bà Lê Thị P được quyền sử dụng diện tích đất là 9,4m², thửa đất số 53, tờ bản đồ số D1 - Địa chỉ: Tổ 13 (nay tổ 6), phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai theo GCNQSDĐ số G 613000, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 48 QSDĐ do Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai cấp ngày 20 tháng 01 năm 1996 mang tên ông Lưu Thùy K và bà Nguyễn Thị P. Ông Dương Văn T và bà Lê Thị P phải trả số tiền là 94.000.000đồng (Chín mươi bốn triệu đồng) tương đương trị giá quyền sử dụng diện tích đất nêu trên cho ông Bùi Đức G và bà Nguyễn Thị N (Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 29 tháng 8 năm 2019 và Bản trích đo địa chính phục vụ thẩm định tại chỗ bảng kê tọa độ và trích thửa đất).

2. Xác nhận ông Bùi Đức G và bà Nguyễn Thị N có quyền sử dụng diện tích đất là 20m², thửa đất số 53, tờ bản đồ số D1 - Địa chỉ: Số nhà 008, đường H, tổ 6, phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 613000, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 48 QSDĐ do Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai cấp ngày 20 tháng 01 năm 1996 mang tên ông Lưu Thùy K và bà Nguyễn Thị P. Do ông Dương Văn T và bà Lê Thị P đã trả số tiền tương đương trị giá quyền sử dụng đất, diện tích là 9,4m². Như vậy, ông Bùi Đức G và bà Nguyễn Thị N có quyền sử dụng đất, diện tích đất còn lại là 10,6m².

Ông Dương Văn T và bà Lê Thị P, ông Bùi Đức G và bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, để làm thủ tục cấp GCNQSDĐ, theo quy định của pháp luật về đất đai.

3. Về án phí: Ông Dương Văn T và bà Lê Thị P phải liên đới chịu số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm và số tiền là 4.700.000 đồng (*Bốn triệu bảy trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho ông Bùi Đức G, và bà Nguyễn Thị N. Tổng cộng số tiền là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*).

Ông Bùi Đức G và bà Nguyễn Thị N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn lại cho ông Bùi Đức G và bà Nguyễn Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2012/0006203 ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố L.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành cho các đương sự.

Ngày 04/12/2019, nguyên đơn ông Bùi Đức G kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về việc bồi thường, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng sửa bản án sơ thẩm, buộc ông Dương Văn T và bà Lê Thị P phải tháo dỡ toàn bộ

diện tích đã lấn chiếm và trả lại diện tích đất cho nguyên đơn.

Ngày 03/12/2019, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn T và bà Lê Thị P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

Ngày 03/12/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố L có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 655/QĐKNPT-VKS-DS, kháng nghị một phần bản án sơ thẩm về án phí, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm theo hướng sửa một phần bản án, buộc bị đơn phải chịu toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Bùi Đức G giữ nguyên nội dung khởi kiện và nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn T và bà Lê Thị P thay đổi nội dung kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm giao toàn bộ diện tích đất tranh chấp cho ông T bà P và tuyên ông T bà P trả tiền đất theo giá mà Hội đồng định giá đưa ra cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai giữ nguyên nội dung kháng nghị của VKSND thành phố L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa xét thấy tại thời điểm xét xử sơ thẩm thì ông H không còn quản lý tài sản, bản án sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của ông G nhưng lại buộc người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chịu nghĩa vụ về tài sản và chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là không đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm về án phí theo hướng buộc bị đơn ông Lê Khánh H bà Phạm Thị Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ngoài ra bản án sơ thẩm xác định ông Lê Khánh H bà Phạm Thị Đ là bị đơn là không đúng đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố L giải quyết lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Bùi Đức G, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn T và bà Lê Thị P nộp trong hạn luật định, có đầy đủ nội dung theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[2] Xét quyền khởi kiện của ông Bùi Đức G và bà Nguyễn Thị N:

Ngày 23/6/2002, ông Bùi Đức G và bà Nguyễn Thị N có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất 20m² từ ông Lưu Thùy K và bà Nguyễn Thị P, diện tích đất 20m² tại tổ 13 (nay là tổ 6), phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai, đất đã được UBND tỉnh Lào Cai cấp GCNQSDD số G 613000 ngày 20/01/1996 diện tích là 100m², đã đăng ký biến động chuyển nhượng một phần (80m²) đất cho hộ bà Hoàng Thị H và ông Nguyễn Nam C. Khi nhận chuyển nhượng giữa ông G và bà N với ông K và bà P có làm Giấy biên nhận viết tay và vẽ sơ đồ kèm theo mô tả rõ phần đất chuyển nhượng. Đến ngày 13/8/2018, hai bên mới làm Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và công chứng tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Lào Cai, số công chứng 2788, quyền số 07-TP/CC-SCC/HĐGD.

Năm 2017, gia đình bà H ông C có chuyển nhượng lại diện tích đất 80m² (nhận chuyển nhượng của ông K và bà P) cho hộ ông Lê Khánh H, bà Phạm Thị Đ. Khi gia đình ông H và bà Đ sửa chữa, xây dựng nhà cửa thì gia đình ông G và bà N không có mặt tại địa phương nên đã xảy ra việc hộ ông H và bà Đ xây dựng lấn chiếm sang diện tích đất 20m² mà hộ ông G và bà N nhận chuyển nhượng của ông K và bà P.

Sau khi làm Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với hộ ông Lưu Thùy K, bà Nguyễn Thị P, ông Bùi Đức G và bà Nguyễn Thị N đã làm thủ tục đăng ký nhận chuyển nhượng tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất ngày 14/8/2018). Tuy nhiên, theo Biên bản kiểm tra hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 29/10/2018 (có sự tham gia của đại diện UBND phường D và Chi nhánh VPĐKĐĐ thành phố L) đã xác định có sự chồng lấn về ranh giới với thửa đất phía trước của hộ ông Lê Khánh H nên không thực hiện thủ tục chuyển nhượng được.

Theo Điều 503 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: “Việc chuyển quyền sử dụng đất có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký theo quy định của Luật Đất đai”. Tuy việc chuyển quyền sử dụng đất giữa hộ ông G và bà N với hộ ông K và bà P chưa được đăng ký theo quy định của Luật Đất đai nhưng hai bên đã thực hiện thủ tục tại cơ quan có thẩm quyền, việc đăng ký chưa có kết quả xuất phát từ nguyên nhân khách quan do có sự chồng lấn, tranh chấp quyền sử dụng đất với hộ ông Lê Khánh H và bà Phạm Thị Đ. Bản án sơ thẩm không đưa ông Lưu Thùy K và bà Nguyễn Thị P vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là thiếu, tuy nhiên sau khi xét sơ thẩm ông Lưu Thùy K và bà Nguyễn Thị P đã có văn bản từ bỏ quyền lợi của mình đối với diện tích đất chuyển nhượng cho ông G, bà N. Như vậy, ông G và bà N hoàn toàn có quyền khởi kiện để bảo vệ quyền sử dụng của mình theo quy định của pháp luật, tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Đức G và bà Nguyễn Thị N về việc buộc gia đình ông Lê Khánh H và bà Phạm Thị Đ phải tháo dỡ công trình đã xây dựng trên đất lấn chiếm, hoàn trả lại diện tích đã xây dựng nhà sang phần đất lấn chiếm.

Hội đồng xét xử xét thấy tại thời điểm ông G và bà N khởi kiện thì diện tích đất tranh chấp đang do ông Lê Khánh H, bà Phạm Thị Đ trực tiếp quản lý sử

dụng. Trong quá trình giải quyết vụ án thì ông H bà Đào đã chuyển nhượng cho ông Dương Văn T và bà Lê Thị P, hợp đồng chuyển nhượng đã được công chứng nhưng chưa đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Ông Dương Văn T và bà Lê Thị P đã nhận bàn giao nhà đất và trực tiếp quản lý sử dụng. Việc ông Dương Văn T và bà Lê Thị P là người trực tiếp quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp ông G bà N đã biết nhưng không rút đơn khởi kiện. Việc Tòa án xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nhưng lại buộc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là người đang trực tiếp chiếm giữ diện tích đất tranh chấp phải thực hiện nghĩa vụ về tài sản và phải chịu tiền án phí là không đúng, vượt quá yêu cầu của nguyên đơn. Trong vụ án này nếu nguyên đơn không rút đơn khởi kiện thì Tòa án phải xét xử bác đơn khởi kiện của ông Bùi Đức G bà Nguyễn Thị N mới đúng pháp luật.

[4] Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của nguyên đơn ông Bùi Đức G, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn T, bà Lê Thị P và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L là có căn cứ pháp luật cần được chấp nhận, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông G bà N.

[5] Về chi phí thẩm định và định giá tài sản: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Đức G, bà Nguyễn Thị N không được Tòa án chấp nhận nên phải chịu chi phí tố tụng theo quy định tại Điều 157 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn không được Tòa án chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Do bản án sơ thẩm bị sửa nên người kháng cáo nguyên đơn ông Bùi Đức G và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn T, bà Lê Thị P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Nghị quyết 326/2014/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2019/DS-ST ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố L như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai; Khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Đức G, bà Nguyễn Thị N về việc yêu cầu buộc ông Lê Khánh H, bà Phạm Thị Đ phải tháo dỡ tài sản trả lại 20m² đất tại thửa số 53, tờ bản đồ số D1 - Địa chỉ: Số nhà 008, tổ 13 (nay tổ 6), phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai theo Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số G 613000, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 48 QSDĐ do Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai cấp ngày 20/01/1996 mang tên ông Lưu Thùy K.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Ông Bùi Đức G, bà Nguyễn Thị N phải chịu 10.270.000đồng. Xác nhận ông G bà N đã nộp đủ tiền chi phí thẩm định và định giá tài sản.

3. Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Bùi Đức G và bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận ông Bùi Đức G, bà Nguyễn Thị N đã nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai số 0006203 ngày 19/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố L, được khấu trừ vào tiền án phí sơ thẩm phải nộp.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Bùi Đức G, ông Dương Văn T và bà Lê Thị P không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho ông Bùi Đức G 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), trả lại cho ông Dương Văn T và bà Lê Thị P 600.000 đồng (*Sáu trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo các biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2012/0006488 ngày 09/12/2019 và AB/2012/0006500 ngày 11/12/2019 của Chi cục Thi hành dân sự thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- TAND Tp.L;
- Chi cục THADS Tp.L;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Hữu Khoa